

# MỤC LỤC

## KINH MINH LÝ ĐẠO

### BỐ CÁO – SÁM HỐI – TỊNH NGHIỆP VẤN NHỰT TỤNG – GIÁC THỂ

#### DIỄN GIẢI

*Trang*

#### KINH BỐ CÁO

	Lược thuật về việc tiếp kinh	11
01	Tiểu Dẫn	16
02	Quảng Cáo	17
03	Khuyến Cáo	18

#### KINH SÁM HỐI

33

#### Lễ nghi

35

01	Bài vị thờ Tam Giáo Đạo Chủ	36
02	Bài vị Hộ Mạng Thần Quan	38
03	Hình trang thờ Tam Giáo Đạo Chủ, cách sắp bàn đàn	39
04	Phép sắp đàn	40
05	Trang thờ Tam Giáo Đạo Chủ, cách sắp bàn đàn	41
06	Ý nghĩa cách trưng bày	42
07	Phép khai đàn	47
08	Phép đọc kinh	49

	<b>Các bài kinh</b>	51
01	Bài Niệm Hương	53
02	Tịnh Khẩu Chú, Tịnh Tâm Chú	54
03	Tịnh Thân Chú, An Thổ Địa Chú	55
04	Bài Tặng Thiên Đế	56
05	Bài Xưng Tụng Công Đức	58
06	Bài Dung Trầm, Dung Hương, Dung Bông	60
07	Bài Dung Quả, Dung Rượu, Bài Dung Trà	61
08	Sớ Phát Nguyện Tụng Kinh Sám Hối	62
09	Sớ Cầu Sự	63
10	Bài Khai Kinh	64
11	Bài Khải Kinh	65
12	<b>Kinh Sám Hối</b>	66
13	Bài Khen Ngợi Kinh Sám Hối	85
14	Bài Đưa Thần	86
	<b>Hình Thập Điện</b>	87
	<b>KINH TỊNH NGHIỆP VẤN</b>	109
01	Lời tựa	111
02	<b>Kinh Tịnh Nghiệp Vấn</b>	113
	<b>KINH NHỰT TỤNG</b>	119
01	Bài Giới Sát	121
02	Chú Buộc Chon, Súc Miệng, Rửa Tay	122
03	Chú Đốt Nhang (lấy lửa xông trầm)	123
04	Kinh Thái Dương	124

05	Kinh Cứu Khổ	126
06	Kinh Thái Âm	129
07	Bài Tặng Thiên Đế	130
08	Bài Cầu An	131
09	Tứ Đại Điều Quy	132
10	Kim Quang Thần Chú	136
11	Bác Nhã Tâm Kinh	138
12	Diệt Tâm Quá Chú	140
13	Thông Minh Chú	142
14	Kinh Cầu Nguyên	144
15	Ngũ Nguyên	146
16	Bài Cảm Tạ (khi chống đặng tánh loạn)	147
17	Bài Cảm Tạ (khi đặng sự may)	147
18	Sám Hôn Cầu	148
19	Bài Cầu Khi Mới Sanh Con	149
20	Bài Cầu Cho Người Lành Bệnh	151
21	Bài Cầu Cho Minh Lành Bệnh	152
22	Bài Cầu Cho Con Lành Bệnh	153

### **Các bài Kinh dùng trong Lễ Tang**

23	Bài Cầu Khi Hấp Hối	154
24	Bài Lâm Chung Tinh Ngô	155
25	Bài Cầu Cho Người Mới Từ Trần (khi có mặt tại chỗ)	156
26	Bài Cầu Cho Người Mới Từ Trần (khi ở xa nghe tin)	156
27	Bài Niệm Hương Trước Linh Sàng	157

28	Điếu Văn	158
29	Bài Thỉnh Vong	160
30	Bài Cáo Đạo Lộ	161
31	Bài Động Quan	161
32	Bài Đưa Linh	162
33	Bài Dẫn Vong	164
34	Bài Cáo Hậu Thổ	165
35	Bài Hạ Rộng	166
36	Bài Cầu Siêu (khi làm lễ diếu tang)	168
37	Sám Cầu Siêu (thông dụng trong các lễ cầu siêu)	170
38	Bài Thỉnh Tiên Linh	171

### **Các bài Kinh dùng trong Lễ cúng**

39	Bài Đi Lễ Dưng Lục Cúng	172
40	Bài Dưng Lục Cúng	175
41	Bài Đưa Thần	176

### **KINH GIÁC THỂ** 177

01	Bài Tặng Đức Tạo Hóa	179
02	Giải Cách Tu Hành	180
03	TAM QUY: 1. Quy Y Phật Giải	183
04	2. Quy Y Pháp Giải	184
05	3. Quy Y Tăng Giải	185
06	NGŨ GIỚI: 1. Giới Sát Sanh	186
07	2. Giới Thâu Đạo	188
08	3. Giới Tà Dâm	190

09	4. Giới Vọng Ngữ	192
10	5. Giới Âm Tửu, Nha Phiến	194
11	BÁT TIẾT CA: 1. Khuyên Hiếu Ca	196
12	2. Khuyên Đễ Ca	197
13	3. Khuyên Trung Ca	198
14	4. Khuyên Tín Ca	199
15	5. Khuyên Lễ Ca	200
16	6. Khuyên Nghĩa Ca	201
17	7. Khuyên Liêm Ca	202
18	8. Khuyên Sĩ Ca	203
19	BÁT CHÁNH ĐẠO: 1. Bài Sơ Giai	204
20	2. Bài Thứ Giai	205
21	3. Bài Chánh Giai	206
22	4. Bài Chuẩn Ân	207
23	5. Bài Thiên Ân	208
24	6. Bài Huệ Ân	209
25	7. Bài Pháp Ân	210
26	8. Bài Phật Ân hay là Tổ Sư	211
27	Khuyên Thê	212
28	Giác Thê	214
29	Cùng Khôn Giải	216
30	Tật Đồ Giải	217
31	Bạo Táo Giải	218
32	Khẩu Thiệt Giải	220
33	Nhơn Ngã Giải	222
34	Lại Đọa Giải	224
35	Tài Trí Giải	226

36	Hoạn Nạn Giải	228
37	Úy Nan Giải	230
38	Thành Tín Giải	232
39	Nhân Quả Giải	233
40	Sắc Dục Giải	234
41	Trước Không Giải	236
42	Ân Ái Giải	238
43	Vinh Quý Giải	240
44	Tài Lợi Giải	242
45	Sắc Thân Giải	244
46	Ngạo Khí Giải	246
47	Sân Hận Giải	248
48	Nhậm Tánh Giải	250
49	Quý Trá Giải	252
50	Thai Nghị Giải	254
51	Huyền Hư Giải	256
52	Vọng Tưởng Giải	258
53	Sanh Tử Giải	260
54	Tự Mãn Giải	262
55	Khinh Mạn Giải	264
	<b>Quẻ QUAN ÂM</b>	267
01	Lời người dịch quẻ	268
02	Tiểu Dẫn	269
03	Bài chú niệm khi trang quẻ	270
04	Bảng 32 quẻ Quan Âm	271
05	Quẻ số 1: Thăng Tấn (Thượng đại kiết)	272

06	Quẻ số 2: Tùng Cách (Thượng trung kiết)	273
07	Quẻ số 3: Khúc Trục (Trung tiêu kiết)	274
08	Quẻ số 4: Nhuận Hạ (Trung thượng)	275
09	Quẻ số 5: Viêm Thượng (Trung bình)	276
10	Quẻ số 6: Giá Sắc (Trung bình)	277
11	Quẻ số 7: Viễn Tấn (Thượng đại kiết)	278
12	Quẻ số 8: Đắc Trợ (Thượng thượng kiết)	279
13	Quẻ số 9: Hoạch An (Trung thượng)	280
14	Quẻ số 10: Tùy Tâm (Thượng thượng)	281
15	Quẻ số 11: Bá Đạt (Thượng thượng)	282
16	Quẻ số 12: Đê An (Thượng đại kiết)	283
17	Quẻ số 13: Cừ Tấn (Hạ hạ)	284
18	Quẻ số 14: An Tĩnh (Trung bình)	285
19	Quẻ số 15: Trở Cách (Hạ hạ)	286
20	Quẻ số 16: Tiêu Ách (Thượng kiết)	287
21	Quẻ số 17: Chí Hỷ (Trung thượng)	288
22	Quẻ số 18: Dụ Dự (Hạ hạ)	289
23	Quẻ số 19: Phong Năm (Thượng thượng kiết)	290
24	Quẻ số 20: Đắc Lộc (Thượng thượng kiết)	291
25	Quẻ số 21: Phước Lộc (Thượng thượng kiết)	292
26	Quẻ số 22: Minh Hiễn (Thượng kiết)	293
27	Quẻ số 23: Ngưng Trệ (Hạ hạ)	294
28	Quẻ số 24: Vinh Hiễn (Thượng thượng kiết)	295
29	Quẻ số 25: Phước Hậu (Thượng thượng)	296
30	Quẻ số 26: Vĩnh Thành (Thượng thượng)	297
31	Quẻ số 27: Tuế Năm (Thượng thượng)	298
32	Quẻ số 28: Khai Phát (Thượng thượng)	299

33	Quẻ số 29: Thiên Lộc (Thượng thượng)	300
34	Quẻ số 30: Hậu Hỷ (Trung kiết)	301
35	Quẻ số 31: Trì Trệ (Hạ hạ)	302
36	Quẻ số 32: Tuyệt Tích (Hạ hạ)	303

